

Họ và tên:Lớp: 11/...

Số báo danh:

Mã đề:1001

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3 ĐIỂM)

Câu 1: Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn nằm ở

- A. Trung Mỹ. B. Ca-ri-bê. C. Nam Mỹ. D. Bắc Mỹ.

Câu 2: Phần lãnh thổ trung tâm Hoa Kỳ nằm giữa

- A. Ca-na-đa và khu vực Mỹ La-tinh. B. Ca-na-đa và bán đảo A-lát-xca.
C. bán đảo A-lát-xca và Mê-hi-cô. D. đảo Grin-len và Mê-hi-cô.

Câu 3: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. ôn đới. D. hàn đới.

Câu 4: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

- A. vùng Đông Bắc. B. vùng Đông Nam. C. vùng trung tâm. D. vùng phía Tây.

Câu 5: Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm phần lớn trị giá xuất khẩu của Hoa Kỳ?

- A. Khai thác. B. Chế biến. C. Năng lượng. D. Điện lực.

Câu 6: Hiện nay các ngành nào sau đây của Hoa Kỳ được phát triển mạnh?

- A. Luyện kim, gia công đồ nhựa, hóa dầu. B. Đóng tàu, gia công đồ nhựa, hóa chất.
C. Điện tử - tin học, hàng không - vũ trụ. D. Hàng không - vũ trụ, đóng tàu, hóa chất.

Câu 7: Lãnh thổ Liên bang Nga bao gồm phần lớn đồng bằng

- A. Bắc Á và toàn bộ phần Đông Á. B. Đông Âu và toàn bộ phần Tây Á.
C. Bắc Á và toàn bộ phần Trung Á. D. Đông Âu và toàn bộ phần Bắc Á.

Câu 8: Ranh giới tự nhiên giữa châu Á và châu Âu trên lãnh thổ Liên bang Nga là

- A. sông ô-bi. B. dãy U-ran. C. sông I-ê-nít-xây. D. sông Lê-na.

Câu 9: Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga có khí hậu

- A. ôn đới hải dương. B. ôn đới lục địa. C. cận nhiệt đới. D. cực và cận cực.

Câu 10: Thành phố đông dân nhất nhất ở Liên bang Nga là

- A. Xanh Pê-téc-bua. B. Vla-đi-vô-xtôc.
C. Ê-ca-tê-rin-bua. D. Mát-xcơ-va.

Câu 11: Ngành nông nghiệp Liên bang Nga phát triển mạnh ở vùng nào dưới đây?

- A. Đồng bằng Tây Xi-bia, dãy U-ran. B. Vùng phía đông.
C. Đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia. D. Vùng phía nam.

Câu 12: Sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất của Liên bang Nga là

- A. dầu thô và khí tự nhiên. B. máy móc và dược phẩm.
C. sản phẩm điện, điện tử. D. xe cộ, đá quý, chất dẻo.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2 ĐIỂM)

Câu 1. Cho thông tin sau:

Hoa Kỳ là quốc gia rộng lớn với diện tích khoảng 9,8 triệu km². Hoa Kỳ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ kéo dài từ 49°23'B đến 24°32'B và từ 67°T đến 124°44'T. Phía bắc Hoa Kỳ giáp với Ca-na-đa, phía nam giáp với Mê-hi-cô. Bang A-la-xca giáp với Ca-na-đa ở phía đông, Bắc Băng Dương ở phía bắc. Phía đông và phía tây là hai đại dương lớn: Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

- a) Bán đảo A-la-xca nằm ở phía đông bắc của Bắc Mỹ.
b) Lãnh thổ Hoa Kỳ trải dài trên cả hai bán cầu là bán cầu bắc và bán cầu nam.
c) Giáp Ca-na-đa và Mê-hi-cô nên có thị trường tiêu thụ rộng lớn.

d) Vị trí của Hoa Kỳ tạo điều kiện giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới bằng đường biển.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Liên bang Nga có số dân đông thứ 9 trên thế giới (năm 2020). Dân số Liên bang Nga có xu hướng tăng chậm và cơ cấu dân số già. Ngoài ra, dân cư phân bố không đều gây trở ngại cho việc sử dụng lao động và khai thác lãnh thổ; nhiều vùng giàu tài nguyên nhưng thiếu lao động tại chỗ để khai thác.

- a) Cơ cấu dân số già nên vấn đề thiếu hụt lao động trở thành thách thức đối với Liên bang Nga.
- b) Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Liên bang Nga khá cao.
- c) Dân cư Liên bang Nga phân bố không đều, tập trung nhiều nhất ở phía Đông.
- d) Dân cư phân bố không đều gây khó khăn cho việc sử dụng lao động và khai thác tài nguyên.

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN (2 ĐIỂM)

Câu 1. Năm 2024, Hoa Kỳ có diện tích khoảng 9,8 triệu km², số dân là 340,1 triệu người. Tính mật độ dân số của Hoa Kỳ năm 2024 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN PHÂN THEO KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG
CỦA LIÊN BANG NGA NĂM 2000 VÀ 2020** (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2000	2020
Khai thác	4 027,4	5 081,0
Nuôi trồng	77,1	219,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tỉ trọng sản lượng thủy sản **khai thác** trong tổng sản lượng thủy sản của Liên bang Nga năm 2020? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 3. Cho bảng số liệu: **SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 - 2020**

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2020
Dầu mỏ	347,6	333,1	712,7

(Nguồn: Tập đoàn dầu khí BP, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2000. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA HOA KỲ GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm		2000	2010	2020
Xuất khẩu		781,9	1 278,5	1 424,9
Nhập khẩu		1 259,3	1 969,2	2 406,9

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá của Hoa Kỳ năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

CỦA LIÊN BANG NGA GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2010	2015	2020
Xuất khẩu	114,4	444,5	391,4	381,0
Nhập khẩu	62,4	322,4	281,6	304,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Để thể hiện trị giá xuất, nhập khẩu của Liên bang Nga giai đoạn 2000 – 2020, biểu đồ gì là thích hợp nhất? (0,5 điểm)

b. Nhận xét trị giá xuất, nhập khẩu của Liên bang Nga giai đoạn 2000 – 2020. (1,5 điểm)

Câu 2. Hãy cho biết Việt Nam hiện nay có những mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ yếu nào với Hoa Kỳ? (1,0 điểm).

-----HẾT-----

